

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020.

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Thùy D, sinh năm 1978.

HKTT: Số nhà A, ngõ B, tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H, sinh năm 1983.

HKTT: Số nhà A, ngõ B, tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Hiện đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn tháng 12 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh P, Việt Nam và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chị D địa chỉ Số nhà A, ngõ B, tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H nợ nần. Đến tháng 10 năm 2017 anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, đến tháng 6/2019 thì ít dần. Hiện nay hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh H chị xác định anh H không cho chị biết và cả gia đình nhà chồng đều không biết nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn là Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu thứ hai là Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu thứ ba là Trần Mỹ H, sinh ngày 03/02/2016. Các cháu đều phát triển bình thường, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Khi ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Lê Thị B là mẹ đẻ của anh H trong hồ sơ xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án bà B có thông tin cho anh H được biết thì anh H có thông tin lại cho gia đình, anh và chị D có mâu thuẫn, về việc chị D xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn là Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu thứ hai là Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu thứ ba là Trần Mỹ H, sinh ngày 03/02/2016. Các cháu đều phát triển bình thường, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, hiện đang ở cùng chị D do anh đang ở nước ngoài nên anh đồng ý để chị D trực tiếp nuôi cả 03 con chung. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh cũng nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Hiện anh H đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 3633/CAT-PA01 ngày 28/4/2020 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Trần Quốc H đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 25/10/2017, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Hà Thị Thùy D và anh Trần Quốc H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với gia đình bố mẹ đẻ chị tại Số nhà A, ngõ B, tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng bất đồng quan điểm và anh H nợ nần. Đến năm 2017 anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc nhưng từ tháng 06/2019 thì anh H ít khi liên lạc, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Phía bị đơn anh H mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị D có mâu thuẫn, về việc chị D xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị D và anh H không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn nên cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn là Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu thứ hai là Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu thứ ba là Trần Mỹ H, sinh ngày 03/02/2016. Các cháu đều phát triển bình thường, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, hiện các cháu đang ở cùng chị D, hồ sơ thể hiện cháu D và cháu T có bản tự khai có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị D. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Thông qua đại diện thân nhân là bà B ý kiến của anh H cũng nhất trí để chị D trực tiếp nuôi cả 03 con chung do hiện anh đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi các con, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh

cũng nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cả 03 con chung là cháu Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Trần Mỹ H, sinh ngày 03/02/2016 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị D không yêu cầu. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị D không đề nghị xem xét, giải quyết, phía anh H không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh H; Con chung: Giao cả 03 con chung cháu lớn là Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu thứ hai là Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu thứ ba là Trần Mỹ H, sinh ngày 03/2/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị D không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147, Khoản 1 Điều 228 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thùy D được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2. Về con chung: Giao 03 con chung, cháu lớn là Trần Hà Hoàng D, sinh ngày 13/8/2005, cháu thứ hai là Trần Anh T, sinh ngày 09/6/2011 và cháu thứ ba là Trần Mỹ H, sinh ngày 03/2/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị D không yêu cầu. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hà Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008925 ngày 25/5/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Hà Thị Thùy D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Quốc H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Thuận